

cả hai trường hợp nêu trên, các tổ chức, cá nhân Việt Nam làm đại lý phải theo dõi riêng phần doanh thu này và chỉ hạch toán vào thu nhập của mình phân hoa hồng được hưởng.

Trước khi chi trả thu nhập cho tổ chức, cá nhân nước ngoài, các đại lý có trách nhiệm khấu trừ thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập doanh nghiệp và kê khai, nộp ngân sách nhà nước thay cho các tổ chức, cá nhân nước ngoài. Việc khấu trừ thuế của các tổ chức, cá nhân nước ngoài được thực hiện như sau:

a) Đối với các đại lý nộp thuế theo phương thức khấu trừ:

Thuế giá trị gia tăng: thực hiện theo hướng dẫn tại Điểm 2, Mục II, Phần C Thông tư số 89/1998/TT-BTC của Bộ Tài chính. Số thuế giá trị gia tăng khấu nhập khẩu mà đại lý đã nộp thay các tổ chức, cá nhân nước ngoài khi nhập khẩu hàng hóa vào Việt Nam được trừ khi tính toán số thuế giá trị gia tăng phải nộp. Cụ thể:

Thuế giá trị gia tăng phải nộp = Thuế giá trị gia tăng đầu ra - Thuế giá trị gia tăng đầu vào

Trong đó:

- Thuế giá trị gia tăng đầu ra: là thuế giá trị gia tăng ghi trên hóa đơn khi bán hàng.

- Thuế giá trị gia tăng đầu vào: là thuế giá trị gia tăng của hàng hóa đã nộp khấu nhập khẩu.

Thuế thu nhập doanh nghiệp: thực hiện theo hướng dẫn tại Điểm 2, Mục I, Phần C Thông tư số 169/1998/TT-BTC của Bộ Tài chính.

b) Đối với các đại lý nộp thuế theo phương pháp trực tiếp:

Các đại lý khấu trừ và kê khai, nộp thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập doanh nghiệp thay các tổ chức, cá nhân nước ngoài theo quy định tại Mục I, Phần C Thông tư số 169/1998/TT-BTC của Bộ Tài chính. Số thuế giá trị gia tăng mà đại lý đã nộp khi nhập khẩu hàng hóa vào Việt Nam không được

khấu trừ khi xác định số thuế phải nộp của các tổ chức, cá nhân nước ngoài.

Thông tư này có hiệu lực thi hành từ ngày ký. Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc, đề nghị các cơ quan, đơn vị phản ánh về Bộ Tài chính để xem xét, giải quyết kịp thời./.

KT. Bộ trưởng Bộ Tài chính
Thủ trưởng

PHẠM VĂN TRỌNG

TỔNG CỤC HẢI QUAN

THÔNG TƯ số 03/1999/TT-TCHQ ngày 16/6/1999 hướng dẫn nghiệp vụ công tác pháp chế của Tổng cục Hải quan.

Thi hành Nghị định số 94/CP ngày 06/9/1997 về tổ chức pháp chế ở Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ và Nghị định số 101/CP ngày 23/9/1997 của Chính phủ hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Tổng cục Hải quan hướng dẫn cụ thể một số điểm về nghiệp vụ pháp chế trong ngành Hải quan như sau:

A. CÔNG TÁC XÂY DỰNG PHÁP LUẬT

I. LẬP DỰ KIẾN CHƯƠNG TRÌNH XÂY DỰNG PHÁP LUẬT

1. Đối với văn bản quy phạm pháp luật thuộc thẩm quyền của cấp trên ban hành:

Căn cứ vào chương trình xây dựng luật, pháp

lệnh được Quốc hội thông qua hàng năm, chương trình xây dựng văn bản quy phạm pháp luật của Chính phủ và yêu cầu quản lý nhà nước của ngành Hải quan trong từng thời kỳ, Tổng cục Hải quan phải lập dự kiến Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh, nghị quyết, nghị định để trình Chính phủ theo nguyên tắc và trình tự như sau:

1.1. Chậm nhất là ngày 25 tháng 6 hàng năm, Vụ Pháp chế phải có văn bản gửi đến các Cục, Vụ và cấp tương đương (gọi tắt là đơn vị) thuộc Tổng cục Hải quan để yêu cầu gửi kiến nghị về việc ban hành văn bản quy phạm pháp luật nhằm điều chỉnh các mối quan hệ thuộc phạm vi chức năng, nhiệm vụ quản lý nhà nước về hải quan, bao gồm văn bản quy phạm pháp luật thuộc thẩm quyền ban hành của Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ.

Chậm nhất là 10 ngày, kể từ ngày nhận được yêu cầu, các đơn vị thuộc Tổng cục Hải quan phải gửi đến Vụ Pháp chế kiến nghị về việc ban hành văn bản quy phạm pháp luật do đơn vị mình đề xuất.

1.2. Khi kiến nghị ban hành văn bản quy phạm pháp luật nêu ở điểm 1.1 trên đây, các đơn vị phải nêu rõ những vấn đề chủ yếu sau:

- Sự cần thiết phải ban hành văn bản (những đòi hỏi về mặt khách quan, chủ quan);

- Hình thức văn bản (luật, pháp lệnh, nghị quyết, nghị định, quyết định, chỉ thị,...);

- Đối tượng điều chỉnh, phạm vi điều chỉnh và bố cục văn bản cần ban hành;

- Dự kiến đơn vị chủ trì soạn thảo, các đơn vị tham gia trong Ban Dự thảo, Tổ Biên tập (bao gồm cả cơ quan hữu quan phối hợp tham gia dự thảo trong trường hợp cần thiết);

- Thời gian, trình tự thực hiện và tiến độ hoàn thành dự thảo trình cấp có thẩm quyền và các điều kiện cần thiết bảo đảm cho việc soạn thảo văn bản.

Nếu hình thức văn bản là luật, pháp lệnh của Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội; nghị quyết, nghị định của Chính phủ; quyết định, chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ thì đơn vị có kiến nghị ban hành văn bản phải làm Tờ trình của Tổng cục trưởng gửi cấp có thẩm quyền xem xét.

1.3. Trong thời gian 7 ngày, kể từ ngày hết hạn nhận danh mục văn bản do các đơn vị gửi đến, Vụ Pháp chế có nhiệm vụ tổng hợp thành Bản Dự kiến chương trình xây dựng pháp luật của Tổng cục Hải quan để trình Tổng cục trưởng cho ý kiến và quyết định.

- Bản Dự kiến chương trình xây dựng luật, pháp lệnh hàng năm được gửi đến Bộ Tư pháp, Văn phòng Chính phủ chậm nhất là ngày 15 tháng 7 năm trước.

- Bản Dự kiến chương trình xây dựng nghị quyết, nghị định của Chính phủ hàng năm được gửi đến Văn phòng Chính phủ, Bộ Tư pháp chậm nhất là ngày 15 tháng 10 năm trước.

1.4. Sau khi Chương trình xây dựng pháp luật của Tổng cục Hải quan được cấp có thẩm quyền chính thức chấp thuận, Vụ Pháp chế lập kế hoạch chi tiết trình Tổng cục trưởng quyết định việc triển khai thực hiện Chương trình xây dựng pháp luật; phân công cán bộ theo dõi, đôn đốc và trực tiếp tham gia cùng với các đơn vị được Tổng cục trưởng giao chủ trì soạn thảo văn bản quy phạm pháp luật, thực hiện nghiêm túc trình tự, tiến độ thời gian đề ra, đảm bảo chất lượng dự án.

1.5. Căn cứ vào thời hạn quy định tại Điều 10 Nghị định số 101/CP ngày 23/9/1997, Vụ Pháp chế có trách nhiệm dự thảo ý kiến tham gia của Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan về dự kiến Chương trình xây dựng pháp luật của Chính phủ gửi đến.

1.6. Ba tháng, sáu tháng, một năm hoặc khi có yêu cầu, Vụ Pháp chế phải báo cáo Tổng cục trưởng về tình hình thực hiện kế hoạch xây dựng pháp luật, kịp thời xin ý kiến chỉ đạo của Tổng cục trưởng đối với những khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện.

2. Đối với văn bản quy phạm pháp luật thuộc thẩm quyền Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan ban hành:

Đối với văn bản quy phạm pháp luật thuộc thẩm quyền Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan ban hành thì chậm nhất là ngày 01 tháng 10 hàng năm Vụ Pháp chế phải gửi đến các đơn vị thuộc Tổng cục Hải quan để yêu cầu kiến nghị về việc ban hành văn bản quy phạm pháp luật thuộc lĩnh vực đơn vị mình phụ trách. Các đơn vị thuộc Tổng cục Hải quan phải gửi đến Vụ Pháp chế và Văn phòng Tổng cục bản Dự kiến chương trình xây dựng văn bản quy phạm pháp luật chậm nhất là ngày 15 tháng 10 để hai đơn vị này thống nhất trình Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan quyết định.

Bản Dự kiến chương trình xây dựng pháp luật thuộc thẩm quyền ban hành của Tổng cục Hải quan cũng phải nêu rõ các yêu cầu quy định tại điểm 1.2 trên đây đối với từng dự án.

II. THẨM ĐỊNH VỀ MẶT PHÁP LÝ DỰ THẢO CÁC VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT DO CÁC ĐƠN VỊ THUỘC TỔNG CỤC HẢI QUAN CHỦ TRÌ SOẠN THẢO

1. Theo quy định tại khoản 2 Điều 4 của Nghị định số 94/CP ngày 06/9/1997 thì tất cả dự thảo các văn bản quy phạm pháp luật và có tính quy phạm pháp luật do các đơn vị khác thuộc Tổng cục Hải quan soạn thảo phải gửi đến Vụ Pháp chế để thẩm định về mặt pháp lý trước khi trình Tổng cục trưởng ký ban hành hoặc ký trình Thủ tướng Chính phủ hoặc Chính phủ. Dự thảo văn bản quy phạm pháp luật gửi đến Vụ Pháp chế để thẩm định phải là dự thảo lần cuối cùng.

Nội dung thẩm định bao gồm:

- Sự cần thiết phải ban hành văn bản;
- Sự phù hợp giữa hình thức văn bản với vấn đề cần được giải quyết;

- Đối tượng, phạm vi điều chỉnh của văn bản;
- Bố cục của văn bản;
- Tính hợp hiến, hợp pháp, tính thống nhất của văn bản trong hệ thống pháp luật;
- Tính khả thi của văn bản;
- Kỹ thuật soạn thảo văn bản (về từ ngữ, văn phong, ngữ pháp....);
- Hiệu lực thi hành.

Hồ sơ thẩm định của các đơn vị gửi đến Vụ Pháp chế gồm có:

- Ý kiến yêu cầu thẩm định của đơn vị dự thảo;
- Bản dự thảo lần cuối cùng của đơn vị chủ trì soạn thảo chuẩn bị;
- Các kiến nghị, đề xuất về việc bãi bỏ, sửa đổi, bổ sung, ban hành mới hoặc giữ nguyên hiệu lực các văn bản có liên quan;
- Bản tổng hợp ý kiến của các đơn vị trong và ngoài ngành gửi đến;
- Các ý kiến chỉ đạo của Tổng cục trưởng (nếu có);
- Tài liệu tham khảo để soạn thảo văn bản (nếu có).

2. Trong khi tiến hành thẩm định, nếu có vấn đề nào chưa rõ thì Vụ Pháp chế cần trực tiếp trao đổi với đơn vị soạn thảo hoặc trao đổi ý kiến với các Bộ, ngành liên quan để làm rõ. Ý kiến thẩm định được chuyển lại cho đơn vị soạn thảo để hoàn chỉnh trình Tổng cục trưởng. Trong trường hợp sau khi trao đổi với đơn vị soạn thảo mà vẫn còn có ý kiến chưa thống nhất về các vấn đề lớn, quan trọng liên quan đến các nội dung thẩm định nêu tại điểm 1 mục II Thông tư này, đơn vị soạn thảo và đơn vị thẩm định có quyền bảo lưu ý kiến của mình, đồng thời báo cáo bằng văn bản các ý kiến chưa thống nhất đó để Tổng cục trưởng xem xét quyết định. Tổng cục trưởng chỉ ký ban hành hoặc ký trình Thủ tướng Chính phủ hoặc Chính phủ các văn bản khi đã có ý kiến thẩm định của Vụ Pháp chế.

3. Tùy theo độ phức tạp của văn bản mà thời hạn thẩm định một văn bản được thực hiện chậm nhất là 6 ngày, kể từ ngày nhận được yêu cầu thẩm định.

4. Thủ tục, trình tự và hồ sơ dự án luật, pháp lệnh, dự thảo văn bản quy phạm pháp luật của Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan trình lên cấp có thẩm quyền được thực hiện theo quy định tại các Điều 21, 27, 30 Nghị định số 101/CP ngày 23/9/1997 của Chính phủ.

III. TRỰC TIẾP SOẠN THẢO VĂN BẢN HOẶC THAM GIA SOẠN THẢO VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

1. Khi được Tổng cục trưởng giao trực tiếp soạn thảo văn bản quy phạm pháp luật thì Vụ Pháp chế phải chủ động xây dựng kế hoạch thực hiện, tiến độ thời gian và kiến nghị thành lập Ban Soạn thảo, Tổ Biên tập trình Tổng cục trưởng xem xét, quyết định; đồng thời chuẩn bị các điều kiện cần thiết để phục vụ cho công tác xây dựng văn bản. Trong quá trình soạn thảo, Vụ Pháp chế cần chủ động phối hợp với các đơn vị liên quan thuộc Tổng cục Hải quan, Bộ Tư pháp, Văn phòng Chính phủ và các cơ quan hữu quan khác để tổ chức nghiên cứu, khảo sát, tổng kết, đánh giá việc thực hiện văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến công tác soạn thảo được giao; chịu trách nhiệm trước Tổng cục trưởng về mặt nội dung cũng như về mặt pháp lý của dự thảo văn bản.

Nhiệm vụ chính của Tổ Biên tập là nghiên cứu đường lối chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước có liên quan, thu thập, nghiên cứu các tài liệu, thông tin cần thiết, tổng kết, đánh giá những văn bản hiện hành về nội dung đang soạn thảo. Trên cơ sở đó, xây dựng đề cương chi tiết, kế hoạch xây dựng văn bản.... Tùy theo tính chất, tầm quan trọng của dự thảo mà tổ chức các cuộc hội thảo, lấy ý kiến tham gia của các đơn vị trong và ngoài ngành Hải quan, chuẩn bị Tờ trình, các tài liệu, văn bản hướng dẫn thi hành, chuẩn bị hồ sơ để trình Tổng cục trưởng duyệt, ký ban hành hoặc để trình lên cấp trên xin ý kiến chỉ đạo.

2. Đối với các văn bản quy phạm pháp luật do Tổng cục trưởng giao cho các đơn vị khác thuộc Tổng cục Hải quan chủ trì soạn thảo thì Vụ Pháp chế có trách nhiệm phân công cán bộ tham gia vào Ban Soạn thảo, giúp đơn vị soạn thảo về mặt kỹ thuật xây dựng văn bản, tính hợp hiến, hợp pháp của dự thảo văn bản. Việc tham gia này có thể bằng văn bản hoặc phát biểu ý kiến tại các cuộc họp, hội thảo do đơn vị chủ trì soạn thảo tổ chức. Trong trường hợp đơn vị thẩm định và đơn vị chủ trì soạn thảo, sau khi trao đổi mà vẫn còn ý kiến khác nhau liên quan đến những vấn đề lớn thuộc nội dung hoặc hình thức văn bản thì cả hai đơn vị phải báo cáo Tổng cục trưởng ý kiến của mình để xem xét quyết định hoặc cho tổ chức cuộc hội thảo có sự tham gia của đại diện Bộ Tư pháp và những cơ quan nhà nước có liên quan, nhằm thống nhất nhận thức và cách thể hiện các vấn đề đó...

IV. LÀM ĐẦU MỐI GIÚP TỔNG CỤC TRƯỞNG THAM GIA Ý KIẾN VÀO DỰ THẢO CÁC VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT DO CÁC BỘ, NGÀNH KHÁC GỬI ĐẾN

1. Đối với những văn bản do các Bộ, ngành ở trung ương hoặc dự thảo các điều ước quốc tế do bên nước ngoài gửi đến Tổng cục Hải quan lấy ý kiến tham gia thì Tổng cục sẽ giao cho đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm dự thảo ý kiến trả lời để Tổng cục trưởng ký (nếu văn bản gửi đến Tổng cục Hải quan liên quan đến chức trách của nhiều đơn vị thì Tổng cục sẽ giao cho một đơn vị chủ trì, các đơn vị khác cùng tham gia bằng văn bản). Bản dự thảo ý kiến tham gia trước khi trình Tổng cục trưởng ký phải có ý kiến thẩm định của Vụ Pháp chế.

2. Tài liệu, văn bản yêu cầu Tổng cục Hải quan tham gia ý kiến được chuyển đến đơn vị được Tổng cục phân công tham gia, đồng thời sao gửi Vụ Pháp chế. Vụ Pháp chế có trách nhiệm:

2.1. Theo dõi tiến độ thực hiện và đôn đốc để việc tham gia ý kiến đúng thời hạn quy định theo yêu cầu.

2.2. Nghiên cứu bản dự thảo góp ý kiến của các đơn vị chuyển đến và kết hợp ý kiến tham gia của mình để viết thẩm định, gửi đến đơn vị dự thảo ý kiến trả lời. Trong trường hợp có ý kiến khác với ý kiến của đơn vị dự thảo về những vấn đề lớn thì trước khi gửi văn bản thẩm định, Vụ Pháp chế cần trao đổi lại với đơn vị chủ trì; nếu vẫn còn ý kiến khác nhau thì đơn vị chủ trì và Vụ Pháp chế báo cáo bằng văn bản những ý kiến khác nhau của hai đơn vị để Tổng cục trưởng xem xét, quyết định.

3. Trong thời hạn 7 ngày, kể từ ngày nhận được dự thảo văn bản quy phạm pháp luật và công văn yêu cầu, Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan có trách nhiệm tham gia góp ý bằng văn bản và gửi đến cơ quan chủ trì soạn thảo. Do vậy, các đơn vị thuộc Tổng cục Hải quan được phân công chuẩn bị phải gửi bản dự thảo ý kiến tham gia đến Vụ Pháp chế hai ngày trước khi hết hạn để thẩm định.

4. Việc ký các văn bản tham gia ý kiến gửi Văn phòng Chính phủ và các Bộ, ngành phải thực hiện theo quy định sau đây:

- Nếu công văn gửi đến Tổng cục Hải quan yêu cầu tham gia ý kiến vào các dự thảo văn bản quy phạm pháp luật do Bộ trưởng Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ, Thủ trưởng các Bộ, ngành và cấp tương đương ký thì Tổng cục trưởng ký văn bản trả lời.

- Nếu công văn gửi đến Tổng cục Hải quan do cấp Cục, Vụ hoặc Tổng cục trực thuộc Bộ, ngành khác ký thì Tổng cục giao Cục trưởng, Vụ trưởng, Thủ trưởng đơn vị thuộc Tổng cục Hải quan nghiên cứu và ký gửi văn bản tham gia ý kiến với sự phê duyệt của Tổng cục trưởng.

ý kiến của Cục trưởng, Vụ trưởng hoặc Thủ trưởng đơn vị tương đương tham gia vào dự thảo văn bản quy phạm pháp luật với các Bộ, ngành khác, nếu không được Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan ủy quyền hoặc phê duyệt thì không được coi là ý kiến tham gia chính thức của Tổng cục Hải quan. Văn bản tham gia ý kiến của các Vụ, Cục, đơn vị thuộc Tổng cục Hải quan với các Bộ, ngành về văn bản quy phạm pháp luật phải đồng thời gửi Vụ Pháp chế và Văn phòng Tổng cục biết để theo dõi, tổng hợp.

B. CÔNG TÁC RÀ SOÁT, HỆ THỐNG HÓA VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

Rà soát và hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật trong từng khâu nghiệp vụ là công việc thường xuyên hàng năm hoặc từng thời kỳ của Tổng cục Hải quan do các đơn vị thuộc Tổng cục Hải quan chịu trách nhiệm. Để thi hành các quy định tại Điều 5 Nghị định số 94/CP ngày 06/9/1997 về tổ chức pháp chế ngành, Vụ Pháp chế cần thực hiện các công việc chủ yếu dưới đây:

1. Giúp Tổng cục trưởng tổ chức thực hiện thống nhất việc rà soát và hệ thống hóa các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến chức năng, nhiệm vụ quản lý nhà nước của ngành Hải quan quy định tại Điều 1 của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, cụ thể là:

- Hướng dẫn nghiệp vụ rà soát và hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật cho các đơn vị thuộc Tổng cục Hải quan và Cục Hải quan các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương. Đôn đốc, kiểm tra việc rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật của các đơn vị đó.

- Đề xuất phương án xử lý kết quả rà soát văn bản quy phạm pháp luật trình Tổng cục trưởng cho ý kiến giải quyết. Đối với những vấn đề phức tạp thì tổ chức các cuộc hội thảo khoa học, các cuộc họp có sự tham gia của các đơn vị nghiệp vụ thuộc Tổng cục Hải quan và các ngành hữu quan để đề xuất phương án xử lý kết quả rà soát văn bản, sau đó trình Tổng cục trưởng quyết định.

2. Căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ được giao, phối hợp với Vụ Kế hoạch Tài vụ xây dựng kế hoạch, chuẩn bị nội dung để trình Tổng cục trưởng cho xuất bản Tổng tập, Tuyển tập văn bản quy phạm pháp luật của Tổng cục Hải quan nhằm bảo đảm việc xuất bản các ấn phẩm này phục vụ thiết thực nhiệm vụ công tác của ngành và yêu cầu tuyên truyền giáo dục pháp luật, tránh sai sót, lãng phí.

C. CÔNG TÁC PHỔ BIẾN, GIÁO DỤC VÀ KIỂM TRA VIỆC THỰC HIỆN PHÁP LUẬT

1. Công tác phổ biến giáo dục pháp luật:

Để đẩy mạnh công tác phổ biến, giáo dục pháp luật nhằm nâng cao sự hiểu biết và ý thức tôn trọng pháp luật, bảo đảm hiệu quả thực thi pháp luật trong toàn ngành Hải quan và các tổ chức có liên quan, các đơn vị thuộc Tổng cục Hải quan phải cử một cán bộ cấp phó phụ trách công tác phổ biến, giáo dục pháp luật trong lĩnh vực nghiệp vụ của mình theo kế hoạch chung hàng năm của Tổng cục trưởng. Vụ Pháp chế chịu trách nhiệm chung giúp Tổng cục trưởng thực hiện các công việc sau đây:

1.1. Hàng năm, căn cứ vào nhiệm vụ chính trị của ngành, hướng dẫn của Bộ Tư pháp và yêu cầu nâng cao ý thức pháp luật để xây dựng kế hoạch phổ biến, giáo dục pháp luật trong toàn ngành trình Tổng cục trưởng xem xét, quyết định. Trọng tâm của công tác tuyên truyền, giáo dục pháp luật trước hết là phổ biến sâu rộng cho cán bộ công chức hải quan các văn bản quy phạm pháp luật do Tổng cục Hải quan chủ trì soạn thảo (luật, pháp lệnh của Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội; nghị định, nghị quyết của Chính phủ; quyết định, chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ; quyết định, chỉ thị, thông tư, thông tư liên tịch và các văn bản quy phạm pháp luật thuộc thẩm quyền của Tổng cục trưởng ban hành) hoặc văn bản quy phạm pháp luật do cơ quan khác soạn thảo nhưng có liên quan đến chức năng, nhiệm vụ quản lý nhà nước về hải quan.

1.2. Gửi đến các đơn vị thuộc Tổng cục Hải quan kế hoạch phổ biến, giáo dục pháp luật trong toàn ngành đã được Tổng cục trưởng phê duyệt và các tài liệu hướng dẫn (nếu có) để thực hiện.

1.3. Trực tiếp hoặc phối hợp với các đơn vị khác trong và ngoài cơ quan, tổ chức phổ biến giáo dục pháp luật. Hình thức tổ chức phổ biến giáo dục pháp luật được thực hiện thông qua các cuộc họp giới thiệu văn bản quy phạm pháp luật, hội nghị hướng dẫn nghiệp vụ, các buổi nghe báo cáo viên giới thiệu hoặc thuyết trình về pháp luật, phổ biến

pháp luật trên các phương tiện thông tin đại chúng và phương tiện thông tin của ngành Hải quan.

1.4. Hướng dẫn, đôn đốc các đơn vị thuộc Tổng cục Hải quan gửi báo cáo định kỳ 6 tháng và một năm về hoạt động phổ biến và giáo dục pháp luật của đơn vị mình để tổng hợp làm báo cáo chung.

2. Kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện pháp luật:

2.1. Xây dựng kế hoạch kiểm tra định kỳ, bất thường việc thực hiện pháp luật có liên quan đến chức năng quản lý nhà nước của hải quan. Kế hoạch kiểm tra được xây dựng trên cơ sở chương trình công tác, nhiệm vụ trọng tâm của Tổng cục Hải quan hàng năm hoặc từng thời kỳ và được Tổng cục trưởng chuẩn y. Trong kế hoạch kiểm tra phải xác định rõ mục đích, nội dung, đối tượng, phạm vi, địa điểm, thời gian thực hiện và thành phần đoàn kiểm tra.

2.2. Tổ chức đoàn kiểm tra độc lập hoặc phối hợp với các đơn vị khác trong Tổng cục cùng tiến hành kiểm tra theo kế hoạch. Việc kiểm tra và hướng dẫn cần tập trung vào các nội dung chính sau:

- Kiểm tra tính đúng đắn của việc thực hiện pháp luật có liên quan đến chức năng quản lý nhà nước của hải quan (luật, pháp lệnh, nghị định, quyết định, thông tư...), các văn bản của Tổng cục Hải quan hướng dẫn, chỉ đạo hoặc các quy trình nghiệp vụ về hải quan;

- Kiểm tra tính hợp thức, hợp pháp, tính thống nhất trong các văn bản hướng dẫn, chỉ đạo nghiệp vụ, các quyết định áp dụng pháp luật do các đơn vị thuộc Tổng cục Hải quan và các Cục Hải quan, Trường Cao đẳng Hải quan ban hành.

2.3. Theo dõi, đôn đốc việc thực hiện pháp luật và các văn bản hướng dẫn nghiệp vụ trong ngành Hải quan. Thường xuyên khảo sát nắm tình hình, tổng kết đánh giá thực trạng hiểu biết pháp luật, ý thức chấp hành pháp luật của cán bộ, công chức trong ngành để kiến nghị biện pháp phòng ngừa, khắc phục vi phạm góp phần hoàn thiện hệ thống pháp luật, cơ chế thực hiện pháp luật trong toàn ngành Hải quan.

D. KINH PHÍ HOẠT ĐỘNG

1. Theo quy định tại Điều 13 Nghị định số 101/CP ngày 23/9/1997, các đơn vị thuộc Tổng cục Hải quan được ngân sách nhà nước cấp kinh phí hàng năm để thực hiện các hoạt động chủ yếu sau:

1.1. Công tác xây dựng pháp luật (bao gồm xây dựng các dự án luật, pháp lệnh, dự thảo văn bản quy phạm pháp luật thuộc thẩm quyền ban hành của Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và các dự thảo văn bản quy phạm pháp luật thuộc thẩm quyền ban hành của Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan);

1.2. Công tác rà soát và hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật;

1.3. Công tác phổ biến, giáo dục pháp luật;

1.4. Thẩm định các dự án, dự thảo văn bản quy phạm pháp luật.

2. Hàng năm giao cho Vụ Pháp chế làm báo cáo tổng hợp dự trù kinh phí chung của Tổng cục Hải quan phục vụ các công việc nêu ở điểm 1 trên đây và được trích lại 20% số kinh phí được cấp để tổ chức thực hiện các công việc trên theo quyết định của Tổng cục trưởng.

3. Ngoài nguồn kinh phí hỗ trợ của Nhà nước cho công tác xây dựng pháp luật, nếu chưa đủ, xét thấy cần thiết, các đơn vị chủ trì soạn thảo văn bản thống nhất với Vụ Pháp chế báo cáo Tổng cục trưởng xem xét cấp thêm bằng nguồn kinh phí của Tổng cục Hải quan.

4. Việc sử dụng và thanh quyết toán kinh phí được cấp phải theo quy định chung của Nhà nước. Vụ Kế hoạch - Tài vụ phối hợp với Vụ Pháp chế hướng dẫn, kiểm tra việc sử dụng và quyết toán kinh phí đối với từng dự án luật, pháp lệnh, dự thảo các văn bản quy phạm pháp luật thuộc quyền ban hành Tổng cục trưởng và toàn bộ chương trình hoạt động hàng năm.

E. CÔNG TÁC HƯỚNG DẪN, KIỂM TRA VIỆC XỬ LÝ VI PHẠM PHÁP LUẬT VÀ GIẢI QUYẾT KHIẾU NẠI QUYẾT ĐỊNH XỬ PHẠT VI PHẠM HÀNH CHÍNH VỀ HẢI QUAN

Đối với công tác hướng dẫn, kiểm tra việc xử lý vi phạm hành chính về hải quan, cần thực hiện tốt các yêu cầu sau đây:

1. Hoạt động kiểm tra việc xử lý vi phạm pháp luật:

1.1. Xây dựng kế hoạch kiểm tra định kỳ hoặc đột xuất. Kế hoạch kiểm tra phải xác định rõ các vấn đề như: mục đích, yêu cầu, nội dung, phương pháp, địa điểm, thời gian thực hiện và thành phần Đoàn kiểm tra. Sau khi kiểm tra, Trưởng đoàn phải có kết luận bằng văn bản về toàn bộ những vấn đề đã kiểm tra và kiến nghị biện pháp khắc phục, phòng ngừa vi phạm.

1.2. Thực hiện phúc tra các quyết định xử phạt vi phạm hành chính về hải quan và kiểm tra việc tuân theo pháp luật trong quá trình xử phạt để đảm bảo việc xử phạt được chính xác, đúng pháp luật.

1.3. Theo dõi, đôn đốc hải quan địa phương thực hiện ý kiến chỉ đạo, hướng dẫn của Tổng cục Hải quan, bảo đảm việc thực hiện pháp luật được nhanh chóng và nghiêm chỉnh; định kỳ sơ kết, tổng kết đánh giá kết quả thực hiện công tác xử lý vi phạm pháp luật trong ngành Hải quan để đúc rút kinh nghiệm, phát hiện những vấn đề mới nảy sinh, kịp thời đề xuất các biện pháp giải quyết trình Tổng cục trưởng quyết định.

2. Đối với công tác giải quyết khiếu nại quyết định xử phạt vi phạm hành chính về hải quan:

Trình tự, thủ tục, thời hạn giải quyết khiếu nại quyết định xử phạt vi phạm hành chính về hải quan phải thực hiện theo quy định thống nhất của pháp luật hiện hành và văn bản hướng dẫn cụ thể của Tổng cục Hải quan.

G. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan thường xuyên chỉ đạo và kịp thời cho ý kiến về toàn bộ công tác pháp chế của ngành Hải quan.

Vụ Pháp chế trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ của mình có nhiệm vụ giúp Tổng cục trưởng quản lý, xây dựng, kiểm tra việc thực hiện công tác pháp chế trong ngành Hải quan theo các quy định của pháp luật và hướng dẫn tại Thông tư này nhằm đảm bảo việc chấp hành pháp luật chính xác và thống nhất.

2. Cục trưởng Cục Hải quan tỉnh và thành phố trực thuộc Trung ương căn cứ vào tổ chức bộ máy và biên chế hiện có của mình để giao cho một trong các đơn vị sau đây phụ trách công tác pháp chế ở cơ sở:

2.1. Phòng Xử lý tố tụng;

2.2. Văn phòng cơ quan.

3. Trong phạm vi pháp luật quy định về nhiệm vụ, quyền hạn của Cục trưởng Cục Hải quan tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, tổ chức pháp chế ở cơ sở có trách nhiệm giúp Cục trưởng thực hiện Thông tư này, các văn bản quy phạm pháp luật liên quan và hướng dẫn về nghiệp vụ của Vụ Pháp chế.

4. Vụ trưởng Vụ Pháp chế, Thủ trưởng các đơn vị thuộc Tổng cục Hải quan, Cục trưởng các Cục Hải quan tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Hải quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này.

Thông tư này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày, kể từ ngày ký./.

KT. Tổng Cục trưởng Tổng cục Hải quan
Phó Tổng cục trưởng

NGUYỄN NGỌC TÚC

THÔNG TƯ số 04/1999/TT-TCHQ ngày 18/6/1999 hướng dẫn thủ tục hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu, phương tiện vận tải xuất cảnh, nhập cảnh tại Khu vực khuyến khích phát triển kinh tế và thương mại Lao Bảo, tỉnh Quảng Trị ban hành theo Quyết định số 219/1998/QĐ-TTg ngày 12/11/1998 của Thủ tướng Chính phủ.

Căn cứ Pháp lệnh Hải quan ngày 20 tháng 2 năm 1990;

Căn cứ Nghị định số 16/1999/NĐ-CP ngày 27/3/1999 của Chính phủ quy định về thủ tục hải quan, giám sát hải quan và lệ phí hải quan;

Căn cứ Điều 3 Quyết định số 219/1998/QĐ-TTg ngày 12/11/1998 của Thủ tướng Chính phủ;

Tổng cục Hải quan hướng dẫn và quy định như sau:

I. NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

1. Khu vực khuyến khích phát triển kinh tế và thương mại Lao Bảo nêu trong Thông tư này sau đây gọi là Khu thương mại Lao Bảo có phạm vi địa giới hành chính được quy định tại Điều 2 Quyết định số 219/1998/QĐ-TTg ngày 12/11/1998 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Quy chế Khu vực khuyến khích phát triển kinh tế và thương mại Lao Bảo, tỉnh Quảng Trị.

Khu thương mại Lao Bảo có Cổng A là cửa khẩu quốc tế Lao Bảo, tiếp giáp với nước Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào và Cổng B đặt tại Trạm kiểm soát Tân Hợp là điểm cuối của Khu thương mại Lao Bảo về phía nội địa Việt Nam.